

Số: 7511 /BTNMT-TCCB

V/v tổ chức thi thăng hạng CDNN năm 2020
đối với viên chức chuyên ngành TN&MT
của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 6746/BNV-CCVC ngày 22/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường (TN&MT) năm 2020 và Đề án tổ chức thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT năm 2020; Bộ TN&MT thống nhất với đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND) về việc tổ chức thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II đối với viên chức của UBND tại danh sách gửi kèm theo tại Phụ lục 1 và thông báo việc tổ chức thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT năm 2020 như sau:

1. Về chỉ tiêu thăng hạng

Chỉ tiêu thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT năm 2020 của UBND tại Phụ lục 2 gửi kèm theo Công văn này.

2. Về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi

Quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện viên chức dự thi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Công văn số 6023/BTNMT-TCCB ngày 15/11/2019 của Bộ TN&MT về việc hướng dẫn thi thăng hạng CDNN viên chức ngành TN&MT (có Công văn số 6023/BTNMT-TCCB gửi kèm theo). Theo đó, viên chức được đăng ký dự thi thăng hạng lên CDNN chuyên ngành TN&MT cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Thuộc đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự thi thăng hạng CDNN.

- Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành đăng ký dự thi; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành theo quy định.

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng CDNN đăng ký dự thi thăng hạng.

- Được xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi thăng hạng CDNN; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 của Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (*nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn*) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở CDNN hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng CDNN hiện giữ.

Tiêu chuẩn cụ thể về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và thời gian giữ CDNN của viên chức chuyên ngành TN&MT như sau:

2.1. Đối với thi thăng hạng lên CDNN hạng III

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc được miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Mục 2 Chương III của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT hạng III theo quy định.

- Viên chức thăng hạng lên chức danh hạng III phải có ít nhất 01 năm (*đủ 12 tháng*) giữ CDNN hạng dưới liền kề so với hạng CDNN dự thi đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

2.2. Đối với thi thăng hạng lên CDNN hạng II

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc được miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT hạng II theo quy định.

- Tham gia ít nhất 01 đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì 01 đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

- Viên chức thăng hạng lên chức danh hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên, trong đó phải có

ít nhất 01 năm (*đủ 12 tháng*) giữ CDNN hạng dưới liền kề so với hạng CDNN dự thi đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

3. Hồ sơ đăng ký dự thi

Thực hiện theo quy định tại Công văn số 6023/BTNMT-TCCB, Công văn số 4056/BTNMT-TCCB ngày 29/7/2020 của Bộ TN&MT về việc cử viên chức dự thi thăng hạng viên chức chuyên ngành TN&MT và bổ sung nội dung sau đây theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP:

- Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của CDNN dự thi thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

- Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học.

4. Về danh sách viên chức dự thi

UBND chịu trách nhiệm rà soát lại danh sách viên chức được cử tham dự kỳ thi bảo đảm đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng; lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của viên chức theo đúng quy định của pháp luật; không cử viên chức dự thi không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện về thời gian giữ hạng chức danh, vị trí công tác, thiếu chứng chỉ theo quy định về tiêu chuẩn CDNN dự thi; nếu viên chức được cử dự thi không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên thì sẽ không được công nhận kết quả thi.

Trong trường hợp có sự thay đổi về danh sách viên chức đã được cử tham dự kỳ thi, đề nghị UBND báo cáo về Bộ TN&MT (*qua Vụ Tổ chức cán bộ*) để xem xét, quyết định.

5. Nội dung, hình thức và thời gian thi

Nội dung, hình thức thi và thời gian thi thăng hạng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 37 và Điều 39 Mục 2 Chương III của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Điều 4 và Điều 5 Chương II của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện, hình thức, nội dung thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT, cụ thể như sau:

5.1. Đối với thi thăng hạng CDNN hạng II

a) Môn kiến thức chung

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của CDNN hạng II.

- Thời gian thi: 60 phút.

b) Môn ngoại ngữ

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;
- Nội dung thi: 30 câu hỏi về tiếng Anh theo yêu cầu của CDNN hạng II;
- Thời gian thi: 30 phút.

c) Môn tin học

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;
- Nội dung thi: 30 câu hỏi theo yêu cầu của CDNN hạng II;
- Thời gian thi: 30 phút.

d) Môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức thi: Thi viết;
- Nội dung thi: kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực, đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ CDNN hạng II của chuyên ngành dự thi.
- Thời gian thi: 180 phút.

5.2. Đối với thi thăng hạng CDNN hạng III

a) Môn kiến thức chung

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;
- Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của CDNN hạng III.
- Thời gian thi: 60 phút.

b) Môn ngoại ngữ

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;
- Nội dung thi: 30 câu hỏi về tiếng Anh theo yêu cầu của CDNN hạng III;
- Thời gian thi: 30 phút.

c) Môn tin học

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;
- Nội dung thi: 30 câu hỏi theo yêu cầu của CDNN hạng III;
- Thời gian thi: 30 phút.

d) Môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức thi: Thi viết;
- Nội dung thi: kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực, đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ CDNN hạng III của chuyên ngành dự thi.

- Thời gian thi: 120 phút.

5.3. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ và tin học

Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ và tin học được thực hiện theo quy định, cụ thể như sau:

a) Miễn thi môn ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi;

- Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của CDNN dự thi;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của CDNN dự thi học tập ở nước ngoài hoặc bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Miễn thi môn tin học đối với đối với các trường hợp: có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

6. Dự kiến thời gian và địa điểm tổ chức kỳ thi

6.1. Dự kiến thời gian

Kỳ thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II do Bộ TN&MT tổ chức cho viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ TN&MT và một số UBND dự kiến tổ chức vào tháng 01/2021.

6.2. Địa điểm: tại Trường Đại học TN&MT Hà Nội, số 41A, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

7. Lệ phí thi

Lệ phí thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành TN&MT năm 2020 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

8. Tổ chức thực hiện

Bộ TN&MT đề nghị UBND tổ chức thực hiện các nội dung sau:

- Rà soát lại danh sách viên chức được cử tham dự kỳ thi theo quy định và gửi danh sách viên chức chính thức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo mẫu tại

Phụ lục 3 về Bộ TN&MT (qua Vụ Tổ chức cán bộ - số 10, đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) trước ngày 08/01/2021 và văn bản định dạng Excel vào địa chỉ thư điện tử: ntthuy_tccb@monre.gov.vn.

- Thông báo công khai nội dung Công văn này đến từng viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi và hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các viên chức tham dự kỳ thi.

- Cử một cán bộ làm đầu mối để phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ TN&MT thực hiện các nội dung liên quan đến kỳ thi theo quy định (văn bản cử ghi rõ: họ và tên; chức vụ, chức danh; đơn vị đang công tác; số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử).

Bộ TN&MT thông báo để UBND biết, thực hiện theo quy định; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ TN&MT (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- Sở TN&MT và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố có tên trong Công văn này;
- Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB.NT99.

mm *Ch*



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Phương Hoa

★ Nguyễn Thị Phương Hoa

Phụ lục 3

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH TN&MT NĂM 2020 CỦA SỞ TN&MT

(Kèm theo Công văn số /..... ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân))

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Thời gian gần nhất giữ ngạch, hạng cùng chức danh, chuyên ngành đăng ký dự thi	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Tham gia ít nhất 01 đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, bộ trở lên hoặc chủ trì với cấp cơ sở	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng CDNN hiện giữ	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN viên chức ngành TN&MT	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	TỪ CDNN HẠNG IV LÊN CDNN HẠNG III																		
I	Thăng hạng lên địa chính viên hạng III																		
1																			
II	Thăng hạng lên điều tra viên TNMT hạng III																		
1																			
III	Thăng hạng lên quan trắc viên TNMT hạng III																		
1																			
IV	Thăng hạng lên đo đạc bản đồ viên hạng III																		
1																			
B	TỪ CDNN HẠNG III LÊN CDNN HẠNG II																		
I	Thăng hạng lên địa chính viên hạng II																		
...																			
Tổng cộng:																			

Ghi chú: như nội dung ghi chú tại Công văn số 6023/BTNMT-TCCB và bổ sung một số nội dung sau:

- Cột 5 chỉ ghi chức vụ, không ghi tên đơn vị vì tên đơn vị ghi ở cột 6 và viết tắt chức vụ như trường phòng ghi TP, PTP, GD, PGĐ...; nếu không giữ chức vụ thì ghi chức danh là VC
- Cột 8 ghi rõ ngày, tháng, năm giữ hạng gần nhất cùng CDNN đăng ký dự thi
- Cột 11 viết tắt học vị như sau: sơ cấp là SC, trung cấp là TC, cao đẳng là CĐ, đại học là ĐH, thạc sĩ là ThS, tiến sĩ là TS và cột 12 ghi rõ chuyên ngành được đào tạo
- Cột 14 nếu đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản thì ghi là UDCB, nếu có chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C thì ghi là A, B, C; nếu có học vị về tin học thì ghi như cột 11
- Cột 16 nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn về đề án, đề tài, dự án... theo quy định thì ghi là X; đối với VC thi thăng hạng từ CDNN hạng IV lên CDNN hạng III thì bỏ trống

....., ngày tháng năm

Người lập bảng

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Cdu

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

1. UBND tỉnh Hà Giang 1.1. Sở TN&MT tỉnh Hà Giang 1.2. Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang	15. UBND tỉnh Nam Định 15.1. Sở TN&MT tỉnh Nam Định 15.2. Sở Nội vụ tỉnh Nam Định
2. UBND tỉnh Lai Châu 2.1. Sở TN&MT tỉnh Lai Châu 2.2. Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu	16. UBND tỉnh Ninh Bình 16.1. Sở TN&MT tỉnh Ninh Bình 16.2. Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình
3. UBND tỉnh Bắc Kạn 3.1. Sở TN&MT tỉnh Bắc Kạn 3.2. Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn	17. UBND tỉnh Quảng Bình 17.1. Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình 17.2. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình
4. UBND tỉnh Tuyên Quang 4.1. Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang 4.2. Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang	18. UBND tỉnh Quảng Nam 18.1. Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam 18.2. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam
5. UBND tỉnh Yên Bái 5.1. Sở TN&MT tỉnh Yên Bái 5.2. Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái	19. UBND tỉnh Quảng Ngãi 19.1. Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi 19.2. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi
6. UBND tỉnh Điện Biên 6.1. Sở TN&MT tỉnh Điện Biên 6.2. Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên	20. UBND tỉnh Bình Định 20.1. Sở TN&MT tỉnh Bình Định 20.2. Sở Nội vụ tỉnh Bình Định
7. UBND tỉnh Lạng Sơn 7.1. Sở TN&MT tỉnh Lạng Sơn 7.2. Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn	21. UBND tỉnh Đắk Lắk 21.1. Sở TN&MT tỉnh Đắk Lắk 21.2. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk
8. UBND tỉnh Sơn La 8.1. Sở TN&MT tỉnh Sơn La 8.2. Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	22. UBND tỉnh Đắk Nông 22.1. Sở TN&MT tỉnh Đắk Nông 22.2. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông
9. UBND tỉnh Bắc Giang 9.1. Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang 9.2. Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang	23. UBND tỉnh Lâm Đồng 23.1. Sở TN&MT tỉnh Lâm Đồng 23.2. Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng
10. UBND thành phố Hà Nội 10.1. Sở TN&MT thành phố Hà Nội 10.2. Sở Nội vụ thành phố Hà Nội	24. UBND tỉnh Bình Dương 24.1. Sở TN&MT tỉnh Bình Dương 24.2. Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương
11. UBND tỉnh Hải Dương 11.1. Sở TN&MT tỉnh Hải Dương 11.2. Sở Nội vụ tỉnh Hải Dương	25. UBND tỉnh Đồng Tháp 25.1. Sở TN&MT tỉnh Đồng Tháp 25.2. Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp
12. UBND tỉnh Hưng Yên 12.1. Sở TN&MT tỉnh Hưng Yên 12.2. Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	26. UBND tỉnh Hậu Giang 26.1. Sở TN&MT tỉnh Hậu Giang 26.2. Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang
13. UBND tỉnh Hòa Bình 13.1. Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình 13.2. Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình	27. UBND tỉnh Sóc Trăng 27.1. Sở TN&MT tỉnh Sóc Trăng 27.2. Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng
14. UBND tỉnh Thái Bình 14.1. Sở TN&MT tỉnh Thái Bình 14.2. Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình	28. UBND tỉnh Kiên Giang 28.1. Sở TN&MT tỉnh Kiên Giang 28.2. Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang
	29. UBND tỉnh Cà Mau 29.1. Sở TN&MT tỉnh Cà Mau 29.2. Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau